

Số: 659/QĐ-VNH

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước năm 2025 đã được phê duyệt ngày 9/2/2026;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán - Phòng Quản trị - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các nội dung sau:

- Công khai dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2025 đã được Đại học Quốc gia Hà Nội giao (Biểu số 02).
- Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Biểu số 03).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Lãnh đạo Viện, Phòng Quản trị - Tổng hợp và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hg2.



Phạm Đức Anh

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 65a /QĐ-VNH ngày 10 /02/2025 của Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Học phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15 108 782 683
I	Nguồn ngân sách trong nước	11 272 125 933
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7 228 000 000
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3 950 000 000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	3 950 000 000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	3 278 000 000
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4 044 125 933
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3 044 125 933
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1 000 000 000
II	Nguồn vốn viện trợ	3 836 656 750
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

VIỆN VIỆT NAM HỌC VÀ KHPT

Chương: 044

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2025 như sau:

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13 526 171 983	12 320 620 181	91%	482%
I	Nguồn ngân sách trong nước	11 439 342 133	10 233 790 331	89%	482%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7 395 216 200	7 157 133 128	97%	226%
3	Chi sự nghiệp GD, đào tạo, dạy nghề	4 044 125 933	3 076 657 203	76%	91%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3 044 125 933	2 076 657 203	68%	91%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1 000 000 000	1 000 000 000	100%	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ	2 086 829 850	2 086 829 850	100%	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				